

DU HỌC MICE

Tư vấn, hỗ trợ

0904137471

báo giá qua Zalo

Nhận liền ưu đãi

học bổng du học



2026

JUNIOR CAMP

"A New Language Is A New Life"



tienganhtaiphil.com | cebuenglish.info



DU HỌC MICE



*Đi chốt,
về hậu*

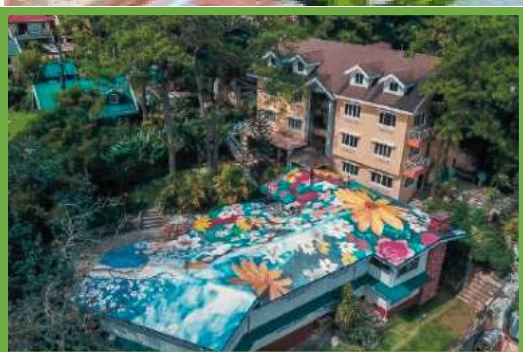
ABOUT US B'Cebu

Được thành lập vào năm 2023 với cơ sở có sức chứa lớn nhất trong một khuôn viên duy nhất, B'Cebu đã nhanh chóng vươn lên trở thành một trong những học viện ngôn ngữ nổi bật nhất tại Cebu.

B'Cebu không chỉ là một nơi để học tiếng Anh — mà còn là một cộng đồng toàn cầu, nơi học viên từ khắp nơi trên thế giới cùng sinh sống, học hỏi để thấu hiểu sự đa dạng văn hóa và giao tiếp vượt qua mọi ranh giới. Sinh viên nâng cao kỹ năng ngôn ngữ thông qua chương trình giảng dạy tiếng Anh chất lượng cao và chương trình học được thiết kế chặt chẽ, đồng thời tham gia nhiều hoạt động trong và ngoài khuôn viên trường. Thông qua những trải nghiệm này, họ khám phá văn hóa Philippines, giao lưu với bạn bè quốc tế và phát triển năng lực giao thoa văn hóa cùng tư duy toàn cầu — những yếu tố giúp họ có thể thích ứng và hòa nhập với nhiều nền văn hóa khác nhau.

Học viện Ngôn ngữ B'Cebu là nơi học viên có thể đạt được thành công học tập, phát triển về mặt văn hóa và tạo nên những kỷ niệm đáng nhớ. Chúng tôi cam kết giúp từng học viên khám phá và phát huy tối đa tiềm năng của mình.

API BECI Campuses



CAFE CAMPUS

43 Gladiola Street, Amparo Heights, Camp 7 Baguio City, Philippines

COURSE Offered:

- Speed ESL 1 • Junior ESL
- Speed ESL 2 • Junior IELTS
- Lite ESL • 8W Working Holiday Prep.



SPARTA CAMPUS

37 Yangco Rd., Upper General Luna Baguio City, Philippines

COURSE Offered:

- 24 ESL • Junior ESL
- IELTS • Junior IELTS
- TOEIC



CITY CAMPUS

Zenmist Properties # 48 Kisad Rd, Montinola Subd, Baguio City, Philippines

COURSE Offered:

- Biz 2.0 • Lite ESL
- Speed ESL • Flexi Course
- SP ESL

HISTORY



2002-2009

Khai trương cơ sở Green Valley — giới thiệu các khóa học Semi Sparta



2010-2014

Tổ chức trại cho sinh viên đại học Nhật Bản và khai trương ký túc xá khách sạn Green Valley; chính thức triển khai khóa học Sparta



2015-2016

Khai trương cơ sở chính API BECI — cung cấp các khóa học Semi-Sparta / Sparta / TOEIC / IELTS



2017-2018

Khai trương chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Việt Nam) và cơ sở BECI Café Campus tại Baguio



2019-2022

Triển khai các khóa học trực tuyến và khai trương hai cơ sở mới tại Baguio (Sparta Campus & City Campus)

2023

Opening of
B' Cebu

COURSE Offered:

- Speed ESL
- Intensive ESL
- B'Sparta
- IELTS / IELTS Guarantee
- Junior ESL
- Lite ESL 4
- Lite ESL 2

ĐIỂM MẠNH TRẠI HÈ

API BECI và B'CEBU, những trường Anh ngữ nổi tiếng với thế mạnh trong giảng dạy ESL, IELTS và các trại tiếng Anh, hân hoan chào đón học viên đến với Junior Camp của chúng tôi. Chương trình mang đến nền giáo dục chất lượng hàng đầu, các hoạt động văn hóa đa dạng, cùng sự giám sát tận tâm của đội ngũ giáo viên có chuyên môn, nhằm mang lại trải nghiệm học tập vượt trội cho học viên.



1. QUẢN LÝ HỌC THUẬT HIỆU QUẢ

a. Hệ thống xếp lớp tùy chỉnh

Học viên được chia thành 2 nhóm tuổi và 9 cấp độ, tất cả đều được thiết kế phù hợp với chuẩn CEFR.

b. Giáo viên có trình độ chuyên môn

Để đảm bảo chất lượng giảng dạy cao, các giáo viên sẽ trải qua đào tạo chuyên sâu và các buổi mô phỏng lớp học trước khi trại hè bắt đầu.

2. CHĂM SÓC TOÀN DIỆN

B'CEBU đảm bảo học viên cảm thấy an toàn, được hỗ trợ và thoải mái ngay từ ngày đầu tiên. Từ đón tại sân bay, bữa ăn, giặt giũ, lớp học đến các hoạt động ngoại khóa – mọi thứ đều được chuẩn bị đầy đủ. Với SAMs (Student Assistant Mentors) cung cấp hướng dẫn và hỗ trợ hàng ngày, học viên có thể tập trung học tập mà không phải lo lắng.



3. SPEAKING PRESCRIPTION

Speaking Prescription, một chương trình được cấp bằng sáng chế tại Hàn Quốc, là chương trình chủ lực của BECI và B'Cebu, giúp đo lường trình độ nói tiếng Anh của học viên. Thông qua chương trình này, học viên có thể theo dõi sự tiến bộ ngôn ngữ của bản thân và củng cố những điểm yếu về kỹ năng ngôn ngữ một cách hiệu quả.

4. ROBOT CODING

Lập trình robot là một trải nghiệm học tập thực hành, nơi học viên xây dựng, lập trình và điều khiển robot. Sử dụng các nền tảng như Lego Coding Spike, học viên sẽ phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, nâng cao tư duy logic, đồng thời ứng dụng tiếng Anh trong các dự án công nghệ thực tiễn.





TỔNG QUÁT LỊCH TRÌNH 4 WEEKS

IELTS THỨ BẢY
THI THỬ

ESL THỨ BẢY
KIỂM TRA ESL

Sunday	Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday	Saturday
1 ĐẾN TRƯỞNG	2 KT ĐẦU VÀO PHỔ BIẾN NỘI QUY	3 LỚP HỌC	4 LỚP HỌC	5 LỚP HỌC	6 KT SP hàng tuần LỚP HỌC	7 KIỂM TRA TUẦN + SHOPPING
8 RESORT AND DAY USE	9 LỚP HỌC	10 LỚP HỌC	11 LỚP HỌC	12 LỚP HỌC	13 KT SP hàng tuần LỚP HỌC	14 KIỂM TRA TUẦN + INDOOR ACTIVITY
15 ISLAND HOPPING	16 LỚP HỌC	17 LỚP HỌC	18 LỚP HỌC	19 LỚP HỌC	20 KT SP hàng tuần LỚP HỌC	21 KIỂM TRA TUẦN + SHOPPING
22 CHƯƠNG TRÌNH TÌNH NGUYỆN	23 LỚP HỌC	24 LỚP HỌC	25 THI CUỐI KHÓA LỚP HỌC	26 LỚP HỌC	27 LỚP HỌC LỄ TỐT NGHIỆP	28 TRỞ VỀ
29	30	INDOOR ACTIVITIES : Master Chef; Amazing Race; Quiz Bee; Talent Show. Note: The schedule may be subject to change depending on the circumstances.				



ESL PROGRAM



LỊCH TRÌNH HÀNG NGÀY

Lớp 1 kèm 1	4 lớp
Speaking, Reading, Writing, Listening	
Lớp nhóm	2 lớp
SP Group Class, General Group Class	
Lớp tối	2 lớp
Coding Class, C-Hour(Club Activity)	

THỜI KHÓA BIỂU MẪU

TIME	TYPE	SUBJECT
8:55 - 9:40	1:1	Reading
9:50 - 10:35	Group Class	SP Group Class
10:45 - 11:30	1:1	Listening
11:45 - 12:30	Self Study	
12:30 - 13:30	Lunch	
13:30 - 14:15	1:1	Speaking
14:25 - 15:10	Group Class	General Group Class
15:20 - 16:05	1:1	Writing
16:15 - 17:00	Break time	
17:10 - 17:55	Exercise	
18:00 - 19:00	Dinner	
19:00 - 19:45	Night Class	Coding Class
19:55 - 20:40	Night Class	C - Hour
20:50 - 21:35	Break time	
21:40 - 21:55	Curfew check/ prepare for bed	
22:00	Lights out	

Lưu ý: Thời gian tự học có thể thay đổi tùy theo lịch trình của học viên.

ESL Course

PROGRAM STRUCTURE

1:1 Classes (4)

Group Classes (2)

Night Classes (2)



LỚP HỌC 1:1



01. Reading

- Kiểm tra phát âm của từ vựng
- Làm quen với từ vựng được sử dụng trong đoạn đọc
- Đọc các đoạn hội thoại / bài diễn thuyết / bài luận / truyện kể
- Trả lời các câu hỏi hiểu nội dung

02. Writing

- Lập câu hoặc đoạn văn sử dụng mẫu câu/từ vựng đã cho
- Làm quen với các phần khác nhau của một bài luận

03. Speaking

- Sử dụng từ vựng/mẫu câu để trả lời các câu hỏi đã cho
- Luyện nói theo các chủ đề khác nhau
- Học các cấu trúc ngữ pháp khác nhau để diễn đạt bản thân

04. Listening

- Nghe các cuộc hội thoại / bài phát biểu
- Trả lời các câu hỏi kiểm tra hiểu nội dung
- Luyện các chiến lược nghe để hiểu tốt hơn

LỚP HỌC NHÓM

01. Lớp học nhóm SP (SP Group Class)

- Lớp Ngữ pháp / Nói (Grammar/Speaking Class)
- Tập trung vào một cấu trúc ngữ pháp mỗi tuần
- Kiểm tra kỹ năng nói (SP Test) vào mỗi thứ Sáu trong thời gian lớp học

Week 1	Profiling / Basic Sentence Patterns
Week 2	Prepositions
Week 3	Conjunctions
Week 4	Adjectives

02. Lớp học nhóm tổng quát

1. Danh sách 10 từ vựng để luyện mỗi ngày
 - Phát âm
 - Định nghĩa
 - Câu ví dụ
2. Phân nhóm học viên:
 - Nhóm 1: Primary
 - Nhóm 2: Junior Plus



LỚP HỌC TỐI

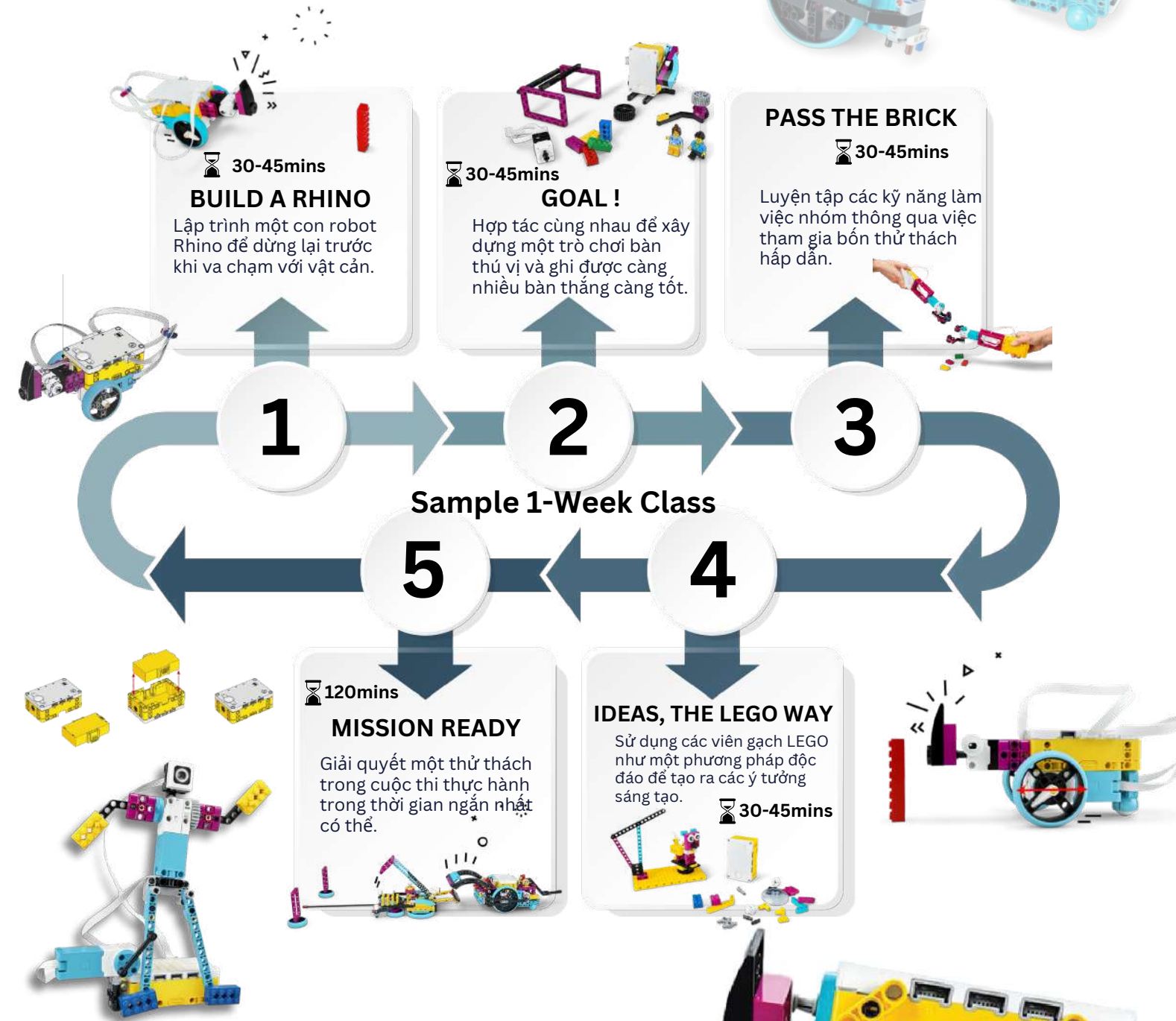
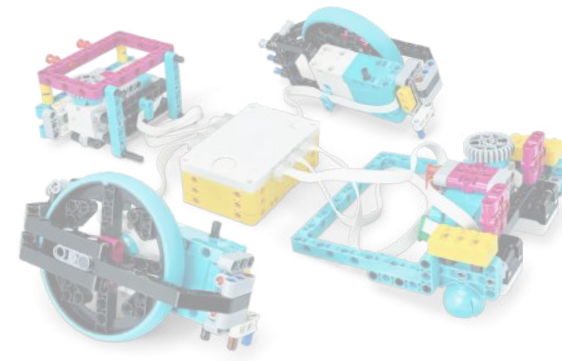
19:00 - 19:45 Coding Class

19:55 - 20:40 C-Hour (Club Activities)



Robot Coding Class

NIGHT CLASS



Fun and Easy!

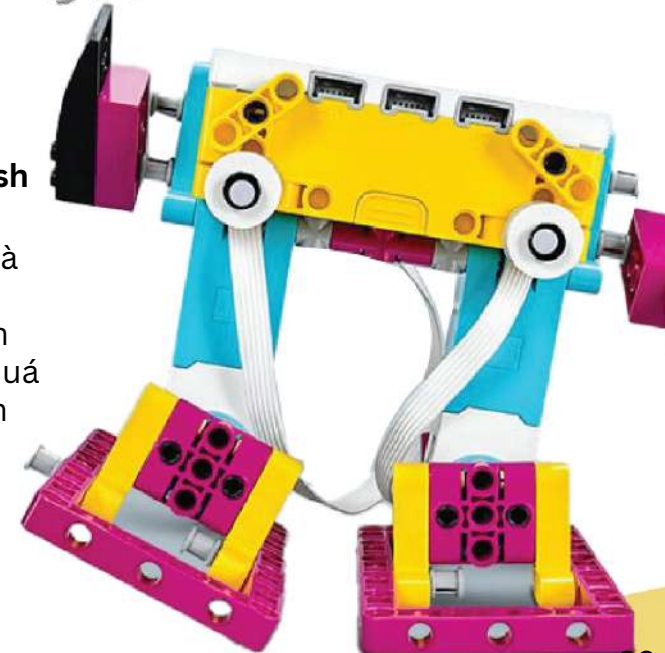
Sử dụng các khối lập trình trực quan thay vì các ngôn ngữ lập trình phức tạp.

Easy to Follow

ử dụng các kế hoạch bài học có sẵn từ nền tảng Lego Spike.

Improve Your English skills

- Khả năng nghe và hiểu hướng dẫn
- Giao tiếp với bạn cùng lớp trong quá trình hoàn thành các thử thách được giao



How the lesson goes.....

Build the Base

Add the Motor
and Hub

Program Your
Robot

Test



Bài học dễ theo dõi: Giáo viên sử dụng các kế hoạch bài học có sẵn từ nền tảng Lego Spike, giúp quá trình học tập trở nên mượt mà và hấp dẫn.



1. Build your Robot

Tạo một phần khung bằng các viên gạch LEGO. Gắn hai bánh xe và một động cơ trung bình. Kết nối với SPIKE Hub.

2. Open the Spike app

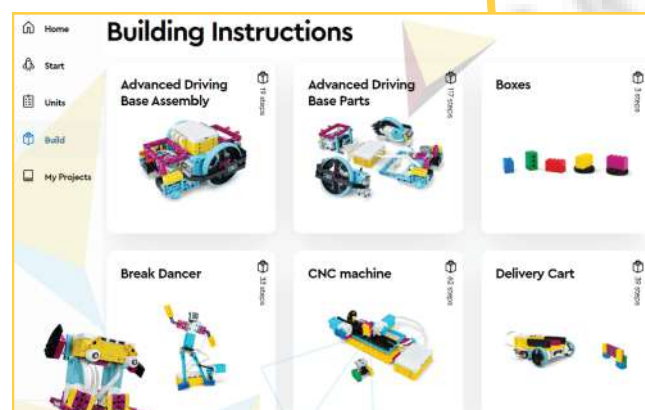
Kết nối với Hub thông qua Bluetooth hoặc cáp.

3. Program the Robot

- Kéo khối "Move" (2 giây)
- Thêm khối "Turn" (90 độ)
- Thêm một khối "Move" khác (2 giây)

4. Test and Adjust

Đặt robot xuống sàn và chạy chương trình.



C - HOUR (Hoạt động nhóm)

NIGHT CLASS



WEEK 1 Storybook Making

Trong tuần đầu tiên, học viên sẽ làm việc theo nhóm nhỏ để tạo ra một cuốn sách truyện tiếng Anh ngắn. Giáo viên sẽ cung cấp hình ảnh hoặc minh họa, và học viên sẽ tạo các câu đơn giản để mô tả chúng. Từng bước, họ sẽ kết hợp các hình vẽ và câu văn để hoàn thành một cuốn sách mini.

→ **Mục tiêu:** Khuyến khích trí tưởng tượng và luyện tập kỹ năng viết cơ bản.

WEEK 2 Role Play

Trong tuần thứ hai, học viên sẽ tập trung vào hoạt động nhập vai (role play). Mỗi nhóm sẽ chọn một tình huống thực tế (nhà hàng, sân bay, trung tâm thương mại, bệnh viện, hỏi đường), viết một kịch bản ngắn và thực hiện trình diễn.

→ **Mục tiêu:** Học tiếng Anh thực tế và tăng sự tự tin khi nói.

WEEK 3 Creative Newspaper Making

Trong tuần thứ ba, học viên sẽ tạo một tờ báo theo nhóm. Họ sẽ nhận các vai trò như phóng viên, biên tập viên, họa sĩ truyện tranh và nhiếp ảnh gia, sau đó viết bài báo, phỏng vấn hoặc truyện tranh.

→ **Mục tiêu:** Trải nghiệm các phong cách viết khác nhau và kỹ năng làm việc nhóm.

WEEK 4 Presentation

Trong tuần cuối cùng, học viên sẽ trình bày tờ báo của nhóm. Mỗi nhóm sẽ tóm tắt các bài viết của mình và chia sẻ sản phẩm với các nhóm khác. Sau phần trình bày, sẽ có một buổi trao giải ngắn và phản hồi.

→ **Mục tiêu:** Trải nghiệm các phong cách viết khác nhau và làm việc nhóm.

Thời gian Tự học – Hướng dẫn

Chương trình Tự học & Phần thưởng

1. Hướng dẫn cách Tự học

Học viên có thể tập trung tại Thư viện Junior hoặc các lớp học nhóm trong thời gian rảnh, dưới sự giám sát nhẹ nhàng của SAMs hoặc giáo viên. Thay vì tự học hoàn toàn, học viên sẽ được giao những mục tiêu nhỏ, dễ đạt được, như học thuộc 10 từ vựng hoặc viết một bài nhật ký. Động lực học tập được tăng cường thông qua các cuộc thi mini hàng ngày hoặc hàng tuần cùng việc công nhận thành tích.

2. Ý tưởng hoạt động & Các hạng mục trao thưởng

- **Word Master / Voca King**

**Trao cho học viên học thuộc nhiều từ vựng nhất bài kiểm tra từ vựng hàng ngày.

- **Best Writer**

Trao cho học viên có bài nhật ký hoặc bài luận xuất sắc nhất. Giáo viên có thể chọn người thắng cuộc hoặc đặt một chủ đề viết chung. Những tác phẩm xuất sắc có thể được trưng bày trên bảng thông báo hoặc đọc to trong buổi sinh hoạt buổi tối.

- **Mr./Ms. Punctual**

Trao cho học viên có thành tích đi học đầy đủ và đúng giờ trong tuần.

3. Phương thức trao thưởng

Các giải thưởng được liên kết với hệ thống điểm, giúp học viên nhận thêm điểm cộng. Người thắng cuộc sẽ được vinh danh ngắn gọn trong các hoạt động cuối tuần. Các phần quà nhỏ như vở, bút hoặc đồ ăn vặt tạo thêm niềm vui và động lực.



IELTS PROGRAM



LỊCH TRÌNH HÀNG NGÀY

Lớp 1 kèm 1 4 lớp

Speaking, Reading, Writing, Listening

Lớp nhóm 2 lớp

IELTS GC Speaking, IELTS GC Listening

Lớp tối 2 lớp

Mock Test, Self Study

THỜI KHÓA BIỂU MẪU

TIME	TYPE	SUBJECT
8:55 - 9:40	1:1	IELTS Speaking
9:50 - 10:35	Group Class	Group Class Listening
10:45 - 11:30	1:1	IELTS Writing
11:45 - 12:30	Break time	
12:30 - 13:30	Lunch	
13:30 - 14:15	1:1	IELTS Listening
14:25 - 15:10	Group class	Group Class Speaking
15:20 - 16:05	1:1	IELTS Reading
16:15 - 17:00	Break time	
17:10 - 17:55	Self Study	
18:00 - 19:00	Dinner	
19:00 - 19:45	Night Class	Mock test
19:55 - 20:40	Night Class	Mock test
20:50 - 21:35	Break time	
21:40 - 21:55	Curfew check/ prepare for bed	
22:00	Lights out	

Note: The **self-study** time may vary depending on the student's schedule.

IELTS Course

Khóa học IELTS dành cho học viên muốn chuẩn bị cho kỳ thi IELTS hoặc những người muốn củng cố kiến thức ngữ pháp và từ vựng cơ bản.

Lớp học 1:1(4 LỚP)

- 1.Speaking**
-Giúp học viên tăng sự tự tin và cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh thông qua các bài tập đa dạng dựa trên đề thi thực tế.
- 2.Reading**
-Huấn luyện học viên giải quyết các bài đọc từ cơ bản đến nâng cao thông qua luyện tập chiến lược và bài thi thử.
- 3.Listening**
Phát triển kỹ năng thực tế và chiến lược cho từng phần của bài thi thông qua luyện tập với các dạng câu hỏi từ đề thi trước.
- 4.Writing**
Giúp học viên tiến bộ thông qua hướng dẫn viết cá nhân hóa và phản hồi chi tiết.



Lớp nhóm (2 LỚP)

- 1.IELTS GC Speaking**
- IELTS GC Listening offers recent test materials and intensive teacher feedback to help students learn essential IELTS vocabulary.
- 2.IELTS GC Listening**
-Lớp IELTS GC Listening cung cấp tài liệu thi gần đây và phản hồi chuyên sâu từ giáo viên để giúp học viên học từ vựng cần thiết cho IELTS.

Lớp nhóm tối (THI THỬ)

- Buổi học buổi tối (Thứ Hai – Thứ Năm) tại IELTS Basic cung cấp bài kiểm tra thử và bài kiểm tra từ vựng IELTS.
- Việc ôn tập bài kiểm tra hàng ngày sẽ được tiến hành trong lớp 1:1 vào ngày hôm sau, và việc ôn tập hàng tuần sẽ được thực hiện vào tối thứ Sáu.

Day	Skill	Duration
Monday	Reading	60mins
Tuesday	Writing	60mins
Wednesday	Listening	30-40mins
Thursday	Speaking	11-14mins
Friday	Rationalization	60mins

Rationalization

Thảo luận về các câu trả lời

Note

Thời gian còn lại sẽ được sử dụng để thảo luận về các câu trả lời.

Kết quả IELTS chính thức của học viên

6.5Overall Band Score

IELTS[™]

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE

Address to undergraduate and postgraduate courses that is the result of the IELTS[™] Speaking and Writing Modules. General Training and Writing Modules are not eligible for the purpose of English language for academic purposes. This is recommended for the candidate's language ability as indicated in the Test Report Form for admission after the pass mark of the test. To find out more about IELTS[™] band scores and the CEFR levels, please visit [ielts.org](#).

Centre Number

PH152

Date

23/JUL/2025

Candidate Number

501099

Candidate Details

Family Name

CHEN

First Name(s)

YONG

Candidate ID

362433866

Date of Birth

Sex (M/F)

M

Scheme Code

Private Candidate

Country or Region of Origin

Country of Nationality

TAIWAN

First Language

CHINESE

Test Results

Listening

7.5

Reading

5.5

Writing

6.0

Speaking

7.0

Overall Band Score

6.5

CEFR Level

B2

Administrator Comments

Recognising organisations must verify this score at [ielts.org/verify](#)

Validation stamp

IELTS

Date

24/07/2025

Test Report Form Number

25PH501099CHEY152A

BRITISH COUNCIL

idp

CAMBRIDGE English

IELTS is jointly owned by the British Council, IDP IELTS and Cambridge University Press & Assessment

5.5Overall Band Score

IELTS[™]

Test Report Form

ACADEMIC

NOTE

Address to undergraduate and postgraduate courses that is the result of the IELTS[™] Speaking and Writing Modules. General Training and Writing Modules are not eligible for the purpose of English language for academic purposes. This is recommended for the candidate's language ability as indicated in the Test Report Form for admission after the pass mark of the test. To find out more about IELTS[™] band scores and the CEFR levels, please visit [ielts.org](#).

Centre Number

PH152

Date

25/JUN/2025

Candidate Number

500758

Candidate Details

Family Name

BUI THAO

First Name(s)

VY

Candidate ID

W0102555

Date of Birth

Sex (M/F)

F

Scheme Code

Private Candidate

Country or Region of Origin

Country of Nationality

VIET NAM

First Language

VIETNAMESE

Test Results

Listening

4.5

Reading

5.5

Writing

6.0

Speaking

6.5

Overall Band Score

5.5

CEFR Level

B2

Administrator Comments

Recognising organisations must verify this score at [ielts.org/verify](#)

Validation stamp

IELTS

Date

26/06/2025

Test Report Form Number

25PH500758BUIV152A

BRITISH COUNCIL

idp

CAMBRIDGE English

IELTS is jointly owned by the British Council, IDP IELTS and Cambridge University Press & Assessment

Textbooks

BOOKS PER BAND SCORE

1:1 CLASSES					
BAND	CEFR	READING	WRITING	LISTENING	SPEAKING
3.5 – 6.0	A2+ – B1	Improve Your Skills Reading 4.5 – 6.0	Improve Your Skills Writing 4.5 – 6.0	Improve Your Skills Listening 4.5 – 6.0	Improve Your Skills Speaking 4.5 – 6.0
6.0 – 7.5	B1+ – B2	Improve Your Skills Reading 6.0 – 7.5	Improve Your Skills Writing 6.0 – 7.5	Improve Your Skills Listening 6.0 – 7.5	Improve Your Skills Speaking 6.0 – 7.5

GC CLASSES			
BAND	CEFR	SPEAKING	LISTENING
3.5 – 6.0	A2+ – B1	Collins Get Ready Speaking 4.5 – 6.0	Collins Get Ready Listening 4.5 – 6.0
6.0 – 7.5	B1+ – B2	Collins English Exams for Speaking 6.0 – 7.5	Collins English Exams for Listening 6.0 – 7.5

• PRE- IELTS (3.5 & BELOW BAND SCORE)

*Note: NO OFFICIAL IELTS TEST.

SOURCES: CAMBRIDGE UNIVERSITY PRESS, Collins, macmillan

• MAN TO MAN

Band 3.5 - 6.0

Band 6.0 - 7.5

• GROUP CLASS

(Pre-IELTS and lower level)

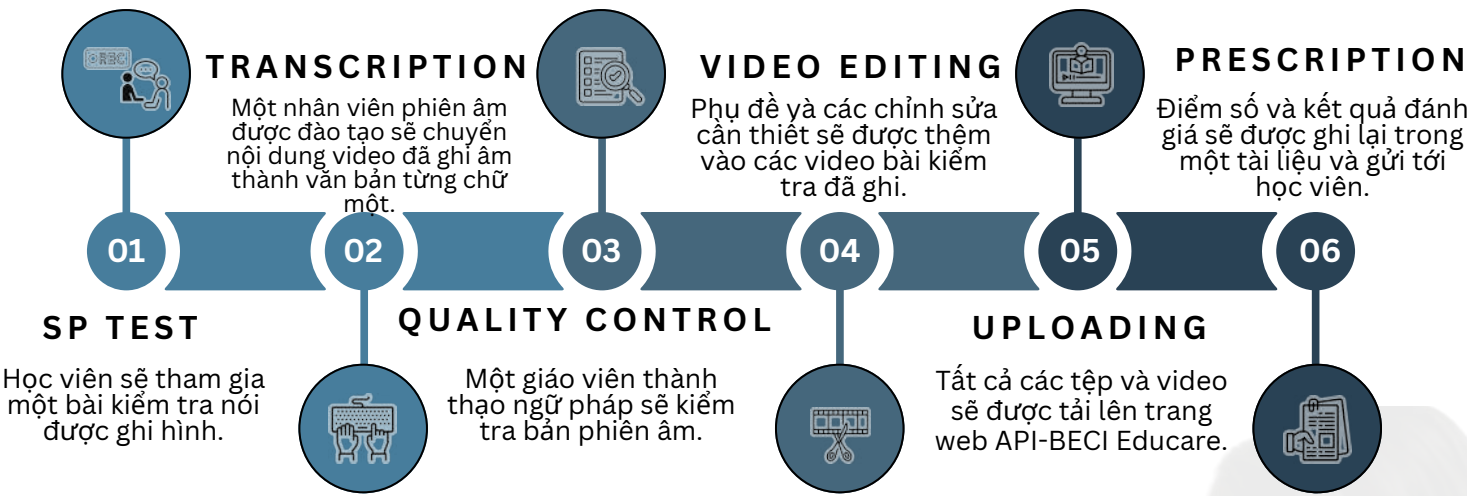
(Higher Level)

page 34

Speaking Prescription

Là chương trình luyện nói tiếng Anh chuyên sâu, được thiết kế để giúp học viên ứng dụng ngữ pháp một cách tự nhiên trong giao tiếp và tăng khả năng lưu loát từng bước một.

SP PROCESS



1 TRANSCRIPTION

Speaking Prescription TRANSCRIPTION

English Name: Sabrina
Examiner: T. Kieu
Checked by: T. Winber

Examination Date: June 17, 2024
Transcribed by: T. Ferry

ENTRY TEST

Teachers: So, Sabrina, tell me about yourself.
Students: My Vietnamese name is Quynh An. And I have a dog. I like to playing football, basketball and I like swimming. I like travelling to take photos in ... and ... beautiful moments.
Teachers: Okay. Wow. Alright. Now, this time let's talk about your hometown.
Students: My hometown.
Teachers: Yes. So which city were you born in?
Students: I was born in [name of place], it is just about 100km hotel in Vietnam. [name of place] is [name of place] and it's near the sea, and so it is very beautiful. ... [name of place] is ... because of ... the field and what ... rice. It is one of the most ... fields in Vietnam. Having ... [name of place] ... This money in Vietnam ... has pictures on ... picture of [name of place] in this.
Teachers: That sounds interesting. Do you have more to say?
Students: No, that's all.
Teachers: Okay. So, tell me about a very memorable event that happened in your hometown.
Students: Event?
Teachers: This event ... [name of festival] ... time when we have a family gathering. My family always goes to [name of place] ... with my ... so I ... very happy ... with my family, my [name of place]. [name of place] we went to the festival and ... and some ... food, ... and watched fireworks display.
Teachers: Alright. Well done, Sabrina. Thank you so much.

2 PRESCRIPTION

Speaking Prescription PRESCRIPTION

English Name: JOHN DOE, JOHN
Examiner: T. Winber

Examination Date: June 17, 2024

Rx **A1 Beginner** **57%** **A1+ High Beginner**

INCORRECT VOCABULARY CORRECTION

INCORRECT PRONUNCIATION

INSERTED WORD

FILLERS (UH ... HMM..ETC)

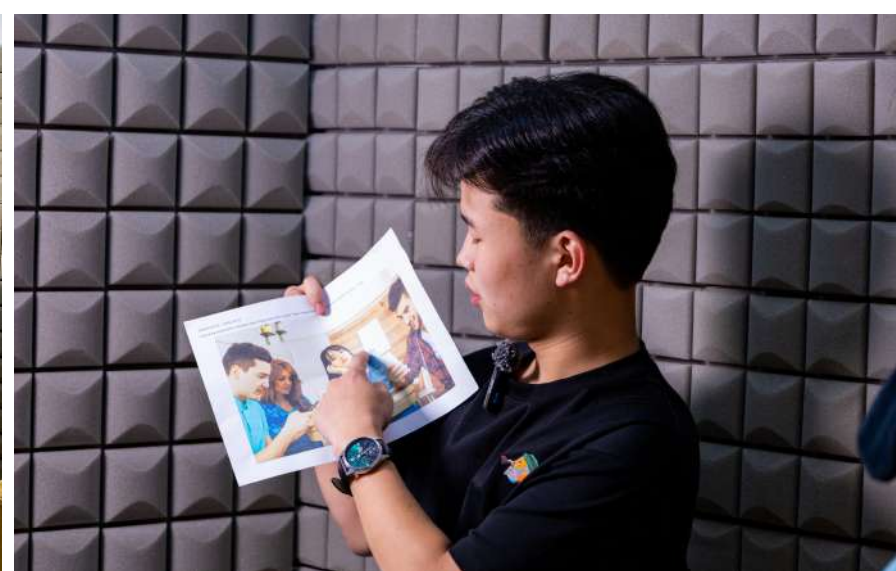
TRACK IMPROVEMENT

RECOMMENDATION

LANGUAGE WEAKNESSES

3 SP VIDEO

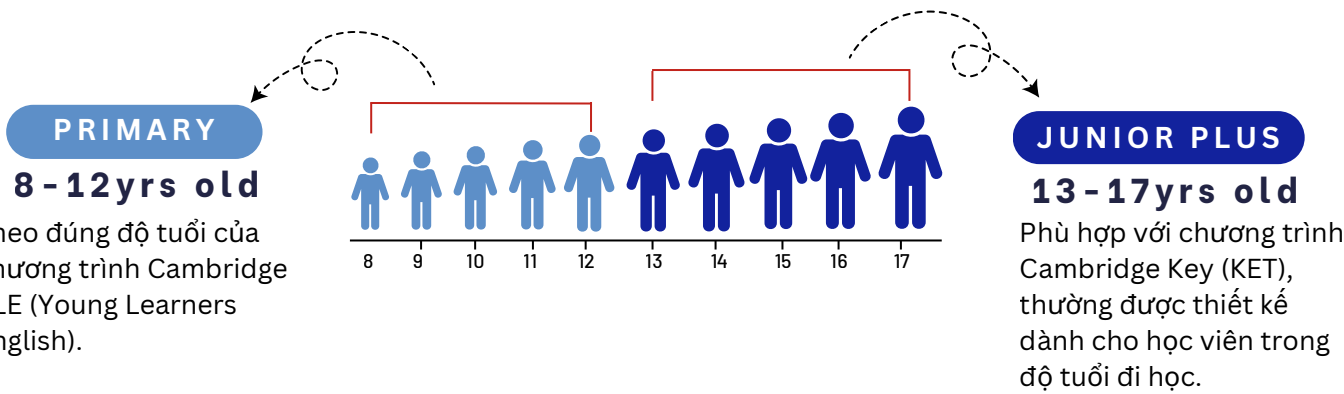
Các video SP được tải lên Educare và có thể truy cập thông qua mã QR ở mặt sau thẻ học viên.



HỆ THỐNG TRÌNH ĐỘ (LEVELING SYSTEM)

Hệ thống xếp lớp của B'CEBU được thiết kế phù hợp với chuẩn CEFR

CEFR là một hệ thống quốc tế công nhận dùng để đo lường trình độ ngôn ngữ. Hệ thống này bao gồm 2 nhóm tuổi, mỗi nhóm được chia thành 9 cấp độ.



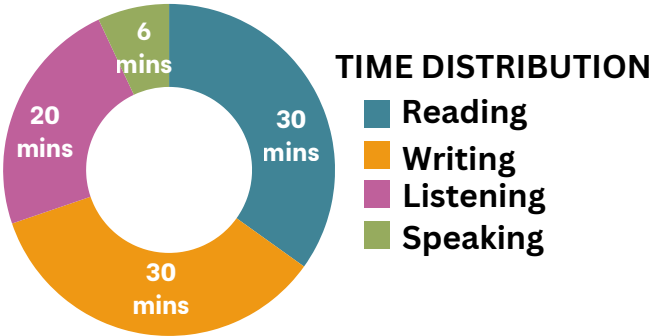
	CEFR	CAMBRIDGE (SCHOOL)	IELTS	ADULTS	ESL JUNIORS	
					8-12yrs old	13-17yrs old
Proficient	C2	CPE	9.0	C2 Master (Proficiency)	Primary 9	Junior Plus 9
			8.5			
Independent	C1	CAE	8.0	C1 Advanced	Primary 8	Junior Plus 8
			7.5			
			7.0			
Independent	B2	FCE	6.5	B2 High Intermediate	Primary 7	Junior Plus 7
			6.0			
			5.5			
Basic	B1	PET	5.0	B1+ Intermediate	Primary 6	Junior Plus 6
			4.5			
			4.0			
Basic	A2	KET	3.5	A2 Elementary	Primary 4	Junior Plus 4
Basic	A1	Flyer		A1+ High Beginner	Primary 3	Junior Plus 3
Basic	A1	Mover		A1 Beginner	Primary 2	Junior Plus 2
Basic	Pre A1	Starter		PA1 Foundational	Primary 1	Junior Plus 1





CẤU TRÚC THI

- ✓ Entry
- ✓ Monthly
- ✓ Weekly
- ✓ Final



8-12yrs old PRIMARY

- modeled after the Cambridge Young Learners English (YLE) exam format

30mins Reading

4 parts; 30 mins; 30 questions

Part 1	Vocabulary Completion	4mins
Part 2	Visual Interpretation	4mins
Part 3	Dialogue Completion	10mins
Part 4	Narrative Comprehension	12mins

30mins Writing

2 parts; 30 mins; 7 questions

Part 1	Picture Description	10mins
Part 2	Guided Writing	20mins

20mins Listening

5 parts; 20 mins; 25 questions

Part 1	Picture Questions	4mins
Part 2	Short Questions	4mins
Part 3	Conversation Questions	4mins
Part 4	Gap Fill (Dialogue)	4mins
Part 5	Multiple Choice Questions	4mins

6mins Speaking

4 parts; 6 mins; 4 questions

Part 1	Warm Up	1min
Part 2	Read Aloud	1min
Part 3	Picture Description	1min
Part 4	Self- Introduction	1min
Part 5	Communicative Task	2mins

13-17yrs old JUNIOR PLUS

- modeled after the Cambridge KEY (KET) exam format

4 parts; 30 mins; 30 questions

Part 1	Understanding messages	4mins
Part 2	Sentence Completion	4mins
Part 3	Short Conversation	4mins
Part 4	Dialogue Completion	4mins
Part 5	Information Transfer	6mins
Part 6	Reading Comprehension	6mins

2 parts; 30 mins; 7 questions

Part 1	Picture Description	10mins
Part 2	Guided Writing	20mins

5 parts; 20 mins; 25 questions

Part 1	Identifying Key Info	4mins
Part 2	Informal Dialogue	4mins
Part 3	Listening Comprehension	4mins
Part 4	Listening Comprehension	4mins
Part 5	Note Completion	4mins

4 parts; 6 mins; 4 questions

Part 1	Warm Up	1min
Part 2	Read Aloud	1min
Part 3	Picture Description	1min
Part 4	Self- Introduction	1min
Part 5	Communicative Task	2mins

B'Ceba British Council English Language
British Council English Language

ENTRY ASSESSMENT REPORT

DA ZENG KAI

(STUDENT'S NAME)

ENGLISH NAME: **David**
 PROGRAM: Junior Camp

DATE OF ENTRY: April 7, 2024

TEST DATE: April 8, 2024

PERCENTAGE SCORE

57%

ENTRY LEVEL

Mover

- Can understand and use familiar everyday expressions and very basic phrases aimed at the satisfaction of concrete needs.
- Can introduce himself/herself and others and can also ask simple questions about personal details such as where he/she lives, people he/she knows and things he/she has.
- Can interact in a simple way provided the other person talks slowly and clearly and is prepared to help.

DESCRIPTIVE LEVEL SYSTEM (L1-LEVEL)

Level	Score percentage	Percentage	Description
Beginner	A1	0-50%	Can understand a minimum of phrases and words. Can introduce himself/herself and others and can ask simple questions about personal details such as where he/she lives, people he/she knows and things he/she has. Can interact in a simple way provided the other person talks slowly and clearly and is prepared to help.
Elementary	A2	51-65%	Can understand a minimum of phrases and words. Can introduce himself/herself and others and can ask simple questions about personal details such as where he/she lives, people he/she knows and things he/she has. Can interact in a simple way provided the other person talks slowly and clearly and is prepared to help.
Pre-intermediate	B1	66-80%	Can understand a minimum of phrases and words. Can introduce himself/herself and others and can ask simple questions about personal details such as where he/she lives, people he/she knows and things he/she has. Can interact in a simple way provided the other person talks slowly and clearly and is prepared to help.
Intermediate	B2	81-95%	Can understand a minimum of phrases and words. Can introduce himself/herself and others and can ask simple questions about personal details such as where he/she lives, people he/she knows and things he/she has. Can interact in a simple way provided the other person talks slowly and clearly and is prepared to help.
Upper intermediate	C1	96-100%	Can understand a minimum of phrases and words. Can introduce himself/herself and others and can ask simple questions about personal details such as where he/she lives, people he/she knows and things he/she has. Can interact in a simple way provided the other person talks slowly and clearly and is prepared to help.

ACADEMIC TESTS

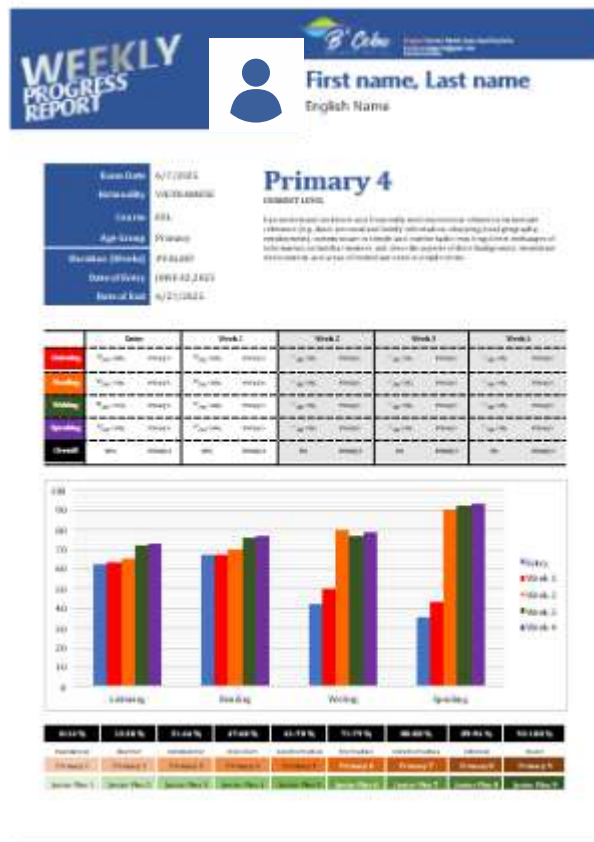
Test	Score	Percentage	Level
Listening	20	40.00%	Beginner
Reading	30	60.00%	Elementary
Writing	25	50.00%	Pre-intermediate
Speaking	23	46.00%	Beginner

SUMMARY OF SCORES

Subject	PIS	Perfect Score		Student's Score		Level	Description
		Raw Score	%	Raw Score	%		
Listening	50	30	60%	30	60.00%	Starter	Can understand a minimum of phrases and words.
Speaking	50	30	60%	20	40.00%	Mover	Can introduce himself/herself and others and can ask simple questions about personal details such as where he/she lives, people he/she knows and things he/she has.
Writing	50	30	60%	25	50.00%	Mover	Can introduce himself/herself and others and can ask simple questions about personal details such as where he/she lives, people he/she knows and things he/she has.
Reading	50	30	60%	30	60.00%	Starter	Can understand a minimum of phrases and words.
Total	120	120	100%	35	29%	Mover	

BÁO CÁO HỌC THUẬT

- Điểm kiểm tra (theo các môn học khác nhau)
- Biểu đồ điểm số
- Hệ thống xếp lớp (tham khảo)



BÁO CÁO TUẦN

- page 40



EDUCARE

húng tôi sử dụng nền tảng EDUCARE để thông báo cho phụ huynh về các hoạt động hàng ngày, tiến trình học tập và tình hình sức khỏe – tinh thần của con em mình.

EDUCARE là gì?

Một hệ thống quản lý học sinh trực tuyến được thiết kế để giúp phụ huynh nắm bắt thông tin và tham gia vào quá trình học tập của con em mình theo thời gian thực.

WHAT YOU CAN SEE ON EDUCARE:



STUDENT PROFILE

Thông tin cá nhân về học sinh

SCHEDULE

Phần này hiển thị tất cả các lớp được phân công để đảm bảo rằng phụ huynh có cái nhìn rõ ràng và có tổ chức về lịch trình hàng ngày của con họ.

ATTENDANCE

Phần này cho phép theo dõi và giám sát chi tiết việc đi học hàng ngày của trẻ.

RECORDS

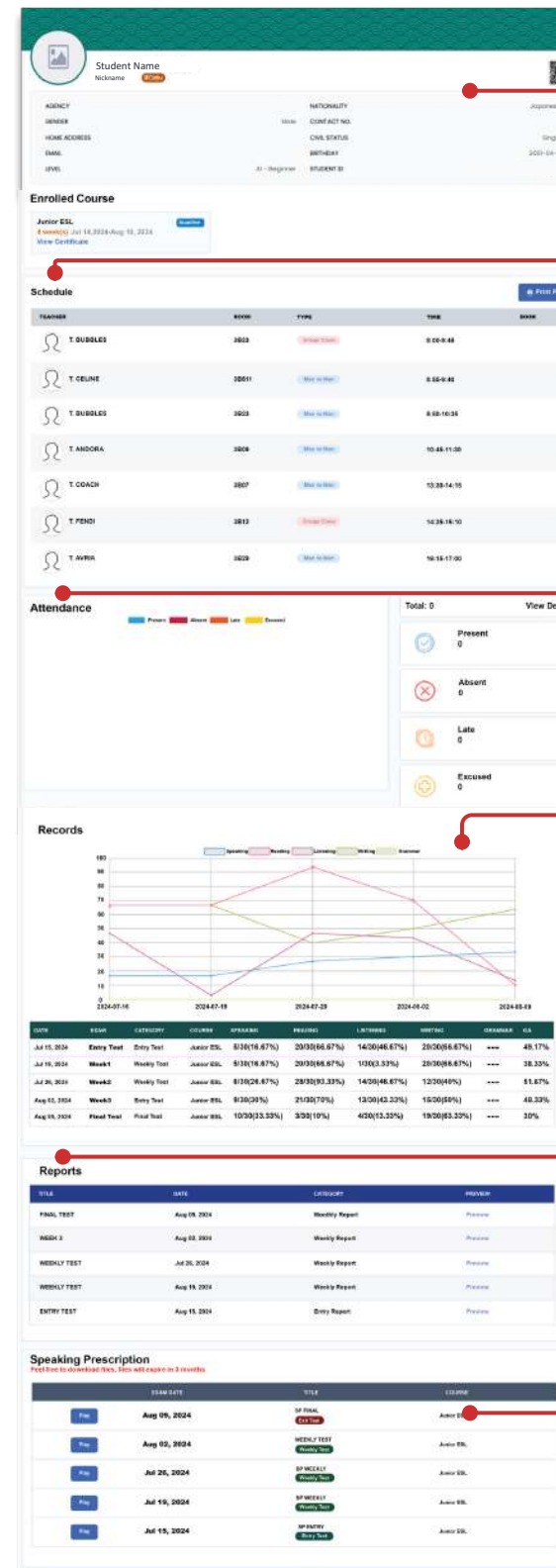
Đây là một biểu đồ trực quan thể hiện kết quả học tập của học sinh trong suốt toàn bộ thời gian khóa học.

REPORTS

Tất cả các báo cáo hàng ngày, báo cáo nhập học, báo cáo tuần và báo cáo tháng đều được tải lên. Nút Xem trước cho phép xem chi tiết từng báo cáo, giúp phụ huynh nắm bắt tiến trình học tập và các lĩnh vực cần cải thiện.

SPEAKING PRESCRIPTION

Phụ huynh có thể theo dõi tiến trình học tập của con thông qua các video được quay trong các bài kiểm tra nói khi nhập học, hàng tuần và hàng tháng. Những video này làm nổi bật những điểm yếu về ngữ pháp và đưa ra các sửa chữa.



Quản lý học viên

Chúng tôi giám sát học viên suốt cả ngày, từ các giờ học đến bữa ăn và thời gian rảnh. Các trợ giảng học viên (Student Assistants) theo dõi chặt chẽ sự tham gia và điểm danh của học viên trong lớp thông qua việc di chuyển giám sát và báo cáo từ giáo viên.

24/7 GIÁM SÁT NGHIÊM NGẶT



HỖ TRỢ PHÚC LỢI CỦA HỌC VIÊN SUỐT CẢ NGÀY

- Kiểm tra tình trạng sức khỏe và hỗ trợ khi khám
- Theo dõi bữa ăn (sáng, trưa, tối)
- Điểm danh trước giờ đi ngủ



THEO DÕI TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN

- Thu thập bảng theo dõi hàng ngày từ giáo viên
- Kiểm tra bài tập được giao cho tự học để đảm bảo hoàn thành
- Tư vấn học tập khi cần thiết



BÁO CÁO VÀ HÀNH ĐỘNG KỊP THỜI

- Báo cáo kịp thời cho các cơ quan liên quan hoặc phụ huynh về các trường hợp khẩn cấp y tế, thay đổi hành vi hoặc các vấn đề đáng lo ngại khác.



CẬP NHẬT EDUCARE

- Tải lên Educare các báo cáo học tập, video SP và các thông tin liên quan khác.

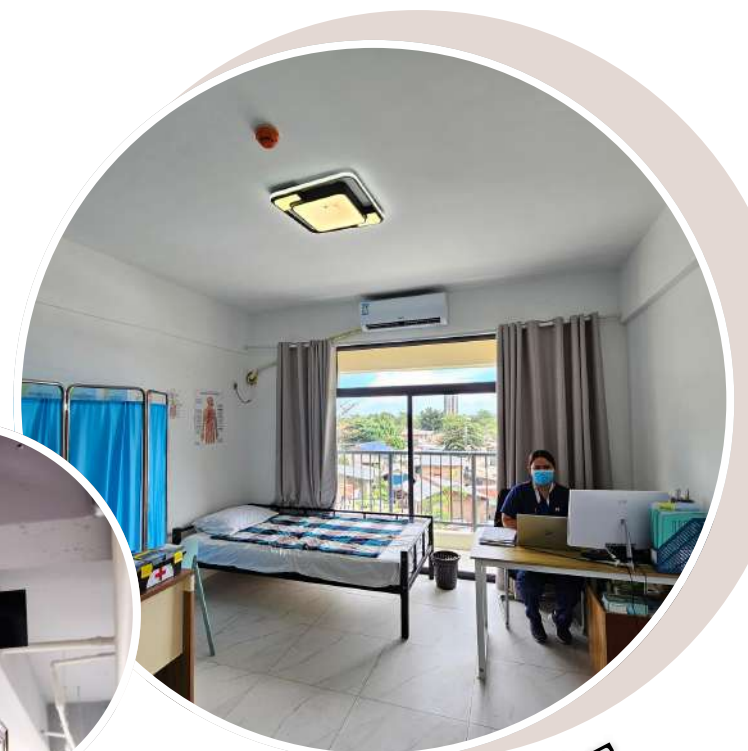




PHÚC LỢI VỀ SỨC KHỎE



Học viên được chăm sóc sức khỏe tại phòng khám trường, nơi có y tá phục vụ từ thứ Hai đến thứ Sáu, và bác sĩ có mặt hàng ngày từ 11:30 sáng đến 12:30 trưa để giải quyết các nhu cầu về sức khỏe.



HEALTH CARE



HOẠT ĐỘNG GIẢI TRÍ

Học viên có thể bơi lội, chơi bi-a hoặc bóng bàn, và tham gia các môn thể thao như bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông—những cách thú vị để thư giãn, rèn luyện sức khỏe và kết bạn.

BỮA ĂN



KÝ TÚC XÁ PHÒNG 3



Không gian tiết kiệm chi phí nhất, nơi bạn có thể kết bạn nhiều người. Phòng này có ba giường, một bàn học và không gian lưu trữ.



Student Lounge



B'tral Park

CƠ SỞ VẬT CHẤT

KHU HỌC THUẬT



Reception



1:1 Classroom



Group Classroom



Study Hall



Junior Library



Presentation Room



Information Desk



CHƯƠNG TRÌNH TÌNH NGUYỆN

“

B'Cebu tự hào tổ chức một chương trình cộng đồng, khuyến khích học viên đóng góp trở lại cho xã hội thông qua các hoạt động ý nghĩa và tạo mối liên kết với trẻ em địa phương tại Philippines. Chương trình này thúc đẩy trao đổi văn hóa, sự đồng cảm, và tinh thần công dân toàn cầu cho các học viên tham gia.



HỢP TÁC / CỘNG TÁC

Hợp tác với chính phủ và các trường học địa phương để xây dựng mối quan hệ và thúc đẩy trao đổi văn hóa.



TƯƠNG TÁC VỚI NGƯỜI ĐỊA PHƯƠNG

******Học viên gắn kết với trẻ em địa phương thông qua các hoạt động và trò chơi, góp phần xây dựng cộng đồng.



HỖ TRỢ

******Hỗ trợ trẻ em địa phương bằng thực phẩm thông qua chương trình cho ăn và các vật dụng thiết yếu, giúp các em giữ gìn sức khỏe và tập trung vào việc học.

“

**Empowering young learners
and fostering a brighter
future.**

”

HOẠT ĐỘNG THỨ BẢY

TRONG TRƯỜNG



Amazing Race



Quiz Bee



HOẠT ĐỘNG THỨ BẢY

TRONG TRƯỜNG



Master Chef



Shopping



Weekly Test



HOẠT ĐỘNG NGÀY CHỦ NHẬT



Resort Day use



Island Hopping



Outreach



ĐỢT	THỜI GIAN	TUẦN	KHÓA ESL	KHÓA IELTS
01	30/05/2026 - 27/06/2026	4 Tuần	2900\$	2900\$

Khóa học IELTS có bao gồm kì thi chính thức tại Philippines: 3100\$/ 4 tuần

Học phí trên bao gồm:

- Phí SSP (Giấy phép học tập tại Philippines), E-CARD,..
- Chi phí đào tạo
- Chi phí đưa đón trong suốt khóa học
- Chi phí các hoạt động ngoài khóa và vé vào cổng khu vui chơi
- Sách cho toàn bộ khóa học
- Chi phí điện nước
- Chi phí ăn 3 bữa/ngày, các bữa tiệc nhẹ.
- Chi phí dọn dẹp và giặt giũ
- Phòng dành cho 3 người

Học phí chưa bao gồm:

- Vé máy bay khứ hồi (giá tùy thời điểm)
- Bảo hiểm quốc tế
- Phí nhập cảnh Manila cho HV dưới 15 tuổi
- Phí ủy quyền giám hộ
- Chi phí chi tiêu cá nhân của HV

Contact us: - - - - - 

DU HỌC MICE

Tư vấn, hỗ trợ
0904137471

báo giá qua Zalo
Nhận liền ưu đãi
học bổng du học

